TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày 10/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Lệ Oanh
2. Ông Phan Văn Huy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1969. (có mặt)
Địa chỉ: Số 22, đường T, Khu phố M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:
- Bà Lý Tố Ph, sinh năm 1983. (có mặt)
- Ông Trần Văn P, sinh năm 1981. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Huỳnh Kim L trình bày: Vào ngày 26/11/2018 bà Lý Tố Ph cùng chồng là ông Trần Văn P có vay của ông số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 26/01/2019 bà Ph, ông P sẽ thanh toán nhưng đến hạn bà Ph, ông P không thực hiện, ông có gia hạn hợp đồng đến ngày 01/9/2019 sẽ thanh toán hết nợ cho ông. Bà Ph, ông P có đóng lãi cho ông mỗi tháng 25.000.000 đồng, đóng từ ngày 26/12/2018 cho đến ngày 26/10/2019, sau này không đóng lãi cho ông nữa. Trong tháng 10/2019 bà Ph, ông P có trả gốc cho ông số tiền

50.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng. Khi đến ngày hẹn thì bà Ph và ông P không thực hiện đúng lời hứa, đến nay qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Ph, ông P không thanh toán nợ cho ông. Nay ông đồng ý tính lại lãi suất theo mức lãi suất quy định của Nhà nước từ khi vay đến nay, khấu trừ số tiền lãi ông đã nhận, số tiền vốn còn lại yêu cầu bà Ph, ông P thanh toán cho ông làm một lần trong thời gian sớm.

Bị đơn bà Lý Tố Ph trình bày: Bà thống nhất ngày 26/11/2018 có vay của ông L số tiền 500.000.000 đồng, việc vay nợ này do bà một mình thực hiện không liên quan đến chồng bà. Mục đích vay tiền để kinh doanh chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2019 bà đóng đủ lãi cho ông L mỗi tháng 25.000.000 đồng, trong tháng 10/2019 bà có trả cho ông L số tiền gốc 50.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn, tài sản bán hết không có khả năng trả cho ông L, bà yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất theo lãi suất Nhà nước trong phần lãi bà đã đóng cho ông L, số tiền còn nợ lại bà xin trả mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Ông Trần Văn P vắng mặt, tại bản tự khai ký ngày "*05/01/2019*" (theo dấu bưu điện ngày 07/01/2020) trình bày: Thông qua bà Lý Tố Ph ông nhận được thông báo của Tòa án về vụ kiện của ông Huỳnh Kim L, ông và bà Lý Tố Ph là vợ chồng trên danh nghĩa thực tế đã ly thân từ đầu năm 2018. Về phần nợ của ông Huỳnh Kim L khởi kiện ông chưa nghe bà Lý Tố Ph nói với ông và thực chất ông không biết gì về số nợ mà bà Lý Tố Ph vay của ông L. Như vậy ông đề nghị Tòa án xem xét trường hợp của ông là không hay biết cũng như không liên quan gì về vấn đề vay nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn bà Lý Tố Ph và ông Trần Văn P có địa chỉ cư trú tại Khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Trần Văn P đã được triệu tập tham gia phiên họp ông P đều vắng mặt, ngày 11/6/2020 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải giữa ông L, bà Ph. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/6/2020 nhưng bị đơn bà Ph, ông P vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 10/7/2020 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 29/6/2020, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2

nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn P.

[3] Về nội dung: Vào ngày 26/11/2018 bà Lý Tố Ph có vay của ông Huỳnh Kim L số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 26/01/2019 bà Ph sẽ thanh toán nhưng đến hạn bà Ph không thanh toán nên ông L gia hạn hợp đồng đến ngày 01/9/2019 sẽ thanh toán hết nợ cho ông. Bà Ph thống nhất có vay của ông L số tiền trên với lãi suất 5%/tháng, bà đã đóng đủ lãi cho ông L từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2019 là 11 tháng với số tiền 25.000.000 đồng x 11 tháng = **275.000.000 đồng**, tháng 10/2019 bà có trả gốc cho ông L được 50.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Ông L thống nhất có nhận lãi của bà Ph mỗi tháng 25.000.000 đồng, nhận đủ từ ngày vay cho đến tháng 10/2019, ông đồng ý tính lại lãi suất. Xét thấy, lãi suất thỏa thuận của các bên là quá cao so với quy định của pháp luật (5%/tháng là 60%/năm), do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lại lãi suất, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm (tức 1,66%/tháng), do đó lãi suất của khoản vay được tính như sau: Ngày 26/11/2018 đến ngày 01/9/2019 là ngày hết hạn hợp đồng: 09 tháng 6 ngày x 500.000.000 đồng x 1,66% = **76.360.000 đồng**. Từ ngày 02/9/2019 bà Ph không thanh toán là quá hạn hợp đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Khoản vay của bà Ph đã quá hạn không thanh toán cho ông L, như vậy lãi suất trên nợ gốc còn lại quá hạn chưa trả là 150% x 1,66%/tháng = 2,49%/tháng. Hai bên thống nhất lấy ngày 01/10/2019 bà Ph trả gốc được 50.000.000 đồng, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 02/9/2019 đến ngày 01/10/2019 là 01 tháng x 500.000.000 đồng x 2,49%= **12.450.000 đồng**. Tiền lãi từ ngày 02/10/2019 đến hôm nay là ngày 10/7/2020 là 09 tháng 8 ngày x 450.000.000 đồng x 2,49% = **103.833.000 đồng.** Tổng cộng các khoản lãi là 192.643.000 đồng, cộng với vốn gốc 450.000.000 đồng là 642.643.000 đồng, trừ đi khoản lãi đã nhận là 275.000.000 đồng, còn lại vốn và lãi tính theo quy định phải thanh toán là **367.643.000 đồng** (ba trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng)**.**

[4] Tại phiên Tòa ông L yêu cầu bà Ph, ông P phải thanh toán cho ông số tiền nêu trên. Mặc dù ông P trình bày cho rằng mình không biết về số nợ này, giấy mượn tiền có chữ ký của ông P nhưng chữ ký này là do bà Ph ký, ông L thừa nhận lúc giao tiền không có mặt ông P, giấy mượn tiền là do bà Ph mang về nói cho ông P ký sau đó mang lại đưa cho ông. Như vậy xác định ông P không trực tiếp vay, nhưng xét thấy ông P và bà Ph là vợ chồng hợp pháp, bà Ph vay tiền ông L để kinh doanh chuyển nhượng quyền sử dụng đất là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia

đình, nên nghị cần buộc ông P có nghĩa vụ cùng thanh toán cho ông L số tiền nêu trên. Tại phiên tòa ông L yêu cầu bà Ph, ông P phải trả cho ông một lần số nợ 367.643.000 đồng trong thời gian sớm nhất. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Ph yêu cầu được trả nợ từ từ cho ông L.

[5] Do bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ đối với hợp đồng vay tài sản, nghị cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Kim L, buộc bà Lý Tố Ph và ông Trần Văn P phải thanh toán cho ông L số tiền 367.643.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

[6] Về án phí: Bà Lý Tố Ph, ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho ông L.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. **Tuyên xử**: Buộc bà Lý Tố Ph và ông Trần Văn P phải thanh toán cho ông Huỳnh Kim L số tiền 367.643.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. **Về án phí**: Bà Lý Tố Ph và ông Trần Văn P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 18.382.150 đồng (mười tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng).

Trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Kim L là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004869 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bà Ph có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành